

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẠM TẤU
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 04/2018/HSST
Ngày 21-3-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẠM TẤU, TỈNH YÊN BÁI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Tuyết- Phó trưởng Phòng giáo dục và đào tạo huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái;

2. Bà Lưu Thị Quế- Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái;

Thư ký phiên tòa: Ông Hồ A Say- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thái Trung- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 01/TLST-HS ngày 24 tháng 01 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 3 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Cú A L, tên gọi khác không, sinh ngày 11 tháng 12 năm 1987 tại xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái; nơi cư trú thôn K, xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp trồng trọt; trình độ văn hóa 11/12; dân tộc Mông; giới tính nam; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Cú A C (đã chết) và bà Vàng Thị R, sinh năm 1960; có vợ là Giàng Thị N, sinh năm 1990 và có 02 con; tiền án không; tiền sự không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; “có mặt”.

2. Giàng A K, tên gọi khác không, sinh năm 1996 tại xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái; nơi cư trú thôn K, xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp trồng trọt; trình độ văn hóa 12/12; dân tộc Mông; giới tính nam; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Giàng A N, sinh năm 1973 và bà Mùa Thị T, sinh năm 1975; có vợ là Mùa Thị L (đã chết), vợ Mùa T, sinh năm 2000; con có 02 con; tiền án không; tiền sự không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; “có mặt”.

3. Giàng A S, tên gọi khác không, sinh ngày 04 tháng 12 năm 1999 tại xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái; nơi cư trú thôn K, xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái; nghề

ng nghiệp trồng trọt; trình độ văn hóa không biết chữ; dân tộc Mông; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Giàng A T, sinh năm 1972 và bà Thào Thị D, sinh năm 1979; có vợ, con chưa có; tiền án không; tiền sự không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; “có mặt”.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Giàng A S:*

Ông Giàng A T, sinh năm 1972; nơi cư trú thôn K, xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp trồng trọt, là bố đẻ bị cáo; “có mặt”.

- *Người bào chữa cho các bị cáo: Giàng A K và Giàng A S:* Bà Nguyễn Thị Hoa là trợ giúp viên pháp lý chi nhánh số 01 Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Yên Bái; “có mặt”.

- *Nguyên đơn dân sự:* Công ty cổ phần Sông Đ; địa chỉ khu đô thị X, Phúc L, Hà Đ, Hà Nội. Người đại diện theo ủy quyền ông Vũ Hồng V trưởng phòng kỹ thuật - Chỉ huy trưởng công trình thủy điện T, huyện T, tỉnh Yên Bái, theo văn bản ủy quyền ngày 01 tháng 11 năm 2017; “có mặt”.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Thào A K, sinh năm 1988; nơi cư trú thôn K, xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái; “vắng mặt”.

+ Giàng A N, sinh năm 1978; nơi cư trú thôn K, xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái; “có mặt”

+ Mùa Thị P, sinh năm 2000; nơi cư trú thôn K, xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái; “có mặt”

+ Giàng Thị N, sinh năm 1990; nơi cư trú K, xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái; “có mặt”

- *Người làm chứng:*

+ Nguyễn Văn N, sinh năm 1960; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú thôn Y, xã Y, huyện T, tỉnh Yên Bái; chỗ ở hiện nay thôn K, xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái; “có mặt”

+ Đỗ Thị T, sinh năm 1960 nơi đăng ký hộ khẩu thường trú thôn Y, xã Y, huyện T, tỉnh Yên Bái; chỗ ở hiện nay thôn K, xã Trạm Tấu, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái. “vắng mặt”

+ Giàng A S, sinh năm 1979; nơi cư trú K, xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái; “có mặt”.

+ Giàng A T, sinh năm 1990; nơi cư trú thôn K, xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái; “có mặt”.

+ Nguyễn Trọng N, sinh năm 1993; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú phường V, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; chỗ ở hiện nay xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Bình; “vắng mặt”

+ Nguyễn Đình Q, sinh năm 1977; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; chỗ ở hiện nay thôn K, xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái; “vắng mặt”

- *Người phiên dịch tiếng Mông*: Ông Giàng A Câu- Cán bộ Công an huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái; “có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 20 giờ, ngày 29 tháng 10 năm 2017, tại nhà ông Giàng A Đình thôn km21+Mo Nhang, xã Trạm Tấu, huyện Trạm Tấu; Giàng A K nói trên hàm phụ số 02 công trình thủy điện Trạm Tấu có dây cáp điện, có thể trộm cắp để bán lấy tiền; nghe vậy Cú A L, Giàng A S thống nhất cùng với K đi trộm cắp tài sản. Sau đó K và S đến nhà Thào A K ở cùng thôn mượn 01 cửa cắt sắt; S về nhà lấy 01 một cửa cắt sắt. Khi chuẩn bị công cụ xong L, K và S đi đến cửa hàm phụ số 2 công trình thủy điện Trạm Tấu tại thôn km 21+ Mo Nhang, xã Trạm Tấu, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái. Đến nơi bị cáo S đứng ở ngoài canh gác; bị cáo L, K dùng tay kéo và dùng cửa cắt 02 đoạn dây cáp điện; sau đó K trèo qua cửa sổ vào bên trong lán công trường lấy 01 bình ắc quy đưa cho L đứng bên ngoài. Sau khi trộm cắp được tài sản các bị cáo mang về nhà Giàng A S, dùng dao rạch bỏ vỏ nhựa bên ngoài để lấy lõi đồng bên trong; sau đó bỏ lõi đồng, bình ắc quy và vỏ dây điện vào 03 bao tải khác nhau; Giàng A K mang bao tải đựng vỏ dây điện mang đi cất giấu rồi dùng xe mô tô chở Giàng A S ngồi sau ôm bình ắc quy, Cú A L dùng xe mô tô chở bao tải đựng lõi đồng mang đến nhà vợ chồng ông Nguyễn Văn N và bà Đỗ Thị để bán những tài sản này. Khi mua bán, lõi đồng cân được 11kg, bán được 1.100.000 đồng; chiếc bình ắc quy bán được 400.000 đồng.

Lần thứ hai: Trên đường từ nhà ông Nhị, bà Tuyến về các bị cáo lại cùng nhau lên địa điểm cũ để trộm cắp. L, K và S dùng tay kéo dây cáp điện và dùng cửa cắt một đoạn dây cáp, sau đó các bị cáo kéo đoạn dây cáp điện đến gần bể nước công trường và dùng cửa cắt cắt thành 03 đoạn rồi dùng dao rạch bóc bỏ vỏ, lấy lõi đồng bên trong. Sau khi lấy được lõi đồng, K dùng xe chở S, còn L chở bao tải đựng lõi đồng, các bị cáo mang bán cho ông Nguyễn Văn N và bà Đỗ Thị T, cân được 21 kg lõi đồng bán được 2.100.000 đồng.

Tại biên bản thực nghiệm điều tra ngày 03-11-2017 Cơ quan điều tra đã lấy 01 m dây cáp điện máy khoan có 04 lõi đồng 3x70+1x35 (Hàn Quốc), sau khi bóc bỏ vỏ cao su, gỡ vải dây chống cháy, vỏ nhựa bọc lõi đồng kết quả thu được 0,814 kg lõi đồng. Như vậy, lần thứ nhất các bị cáo trộm cắp 11kg lõi đồng = 13,5m dây cáp điện cao su lõi đồng (11kg lõi đồng: 0,814 kg = 13,5m); lần thứ 2 các bị cáo trộm cắp 21 kg lõi đồng = 25,8m dây cáp điện cao su lõi đồng (21 kg lõi đồng : 0,814 kg = 25,8m).

Kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số: 08/KL-HĐĐG ngày 03-11-2017 của Hội đồng định giá tài sản kết luận: 39,3 m dây cáp điện cao su lõi đồng vỏ màu đen 3x70+1x35 (Hàn quốc) 3CX70 SQMM+ 358 QMM SAM WON CABLE 2015 MADE IN SEOUL; 01 bình ắc quy màu trắng nặng 40kg 150A đã qua sử dụng; tổng trị giá tài sản là 15.646.250 đồng

Bản cáo trạng số: 03/CT-VKS-TT ngày 22-01-2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái đã truy tố các bị cáo Cự A L, Giàng A K và Giàng A S về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi trộm cắp như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu đã truy tố.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn dân sự trình bày: Ngày 16 tháng 12 năm 2017 các bị cáo L, K và S đã tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại là 15.646.250 đồng cho công ty Sông Đ. Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn dân sự không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người có quyền lợi liên quan Mùa Thị P, Giàng Thị N trình bày: Hai chiếc xe mô tô mà Cự A L, Giàng A K sử dụng để chở tài sản trộm cắp là tài sản chung của vợ chồng; L, K sử dụng vào việc phạm tội Mùa Thị P, Giàng Thị N không biết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không thu những chiếc xe này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái giữ quyền công tố tại phiên tòa, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Cự A L, Giàng A K và Giàng A S phạm tội "Trộm cắp tài sản"; áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, g và p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo Cự A L, Giàng A K từ 09 tháng đến 01 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là từ 18 đến 24 tháng; áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, g và p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 69 của Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo Giàng A S từ 06 đến 07 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là từ 12 đến 14 tháng; không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo Giàng A K và Giàng A S nhất trí với bản luận tội của Viện kiểm sát về tội danh và điều luật áp dụng. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Giàng A K 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo; xử phạt bị cáo Giàng A S 06 tháng cải tạo không giam giữ.

Các bị cáo K, S không có ý kiến tranh luận bổ sung.

Người đại diện cho bị cáo S và những người có quyền lợi liên quan không có ý kiến tranh luận gì.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nên xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đã có đủ cơ sở kết luận: Các bị cáo Cự A L, Giàng A K và Giàng A S đã hai lần thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của công ty Sông Đ đang đầu tư xây dựng thủy điện Trạm Tấu tại thôn km 21+ Mo Nhang, xã Trạm Tấu, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào khoảng 20 giờ, ngày 29 tháng 10 năm 2017 tại cửa hầm phụ số 2 công trình thủy điện Trạm Tấu, Cự A L, Giàng A K và Giàng A S đã có hành vi trộm cắp 13,5m dây cáp điện cao su lõi đồng, trị giá 4.893,750 đồng và 01 bình ắc quy 150A, trị giá 1.400.000 đồng.

Lần thứ hai: Vào rạng sáng ngày 30-10-2017 cũng tại cửa hầm phụ số 2 công trình thủy điện Trạm Tấu các bị cáo đã trộm cắp 28,8m dây cáp điện cao su lõi đồng, trị giá 9.352.500 đồng.

Tổng trị giá tài sản hai lần các bị cáo chiếm đoạt là: 15.646.250 đồng.

Các bị cáo Cự A L, Giàng A K và Giàng A S là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, các bị cáo nhận thức rõ được việc lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật hình sự, nhưng do vụ lợi nên các bị cáo đã cố ý thực hiện, với mục đích nhằm chiếm đoạt tài sản.

Hành vi của các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công ty Sông Đ, được pháp luật hình sự bảo vệ; gây mất trật tự trị an tại địa phương.

Như vậy, đã có đủ căn cứ khẳng định: Hành vi mà các bị cáo Cự A L, Giàng A K và Giàng A S thực hiện, đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” được quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự 1999, như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu đã truy tố.

[3] Xét về vai trò của từng bị cáo trong vụ án: Các bị cáo L, K và S cố ý cùng thực hiện một tội phạm. Tuy nhiên, khi thực hiện tội phạm giữa các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ, nên đây là trường hợp đồng phạm giản đơn. Trong đó bị cáo L người khởi xướng và đồng thời là người thực hành tích cực; bị cáo K và bị cáo S là người tham gia cùng thực hiện tội phạm nhưng vai trò của bị cáo S thấp hơn bị cáo K. Nên mức hình phạt của L là cao nhất xong đến K và cuối cùng là S.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Cự A L, Giàng A K và Giàng A S hai lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, mỗi lần trị giá tài sản đều trên 2.000.000 đồng, nên các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Phạm tội nhiều lần”, quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Sau khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo đã tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại cho nguyên đơn dân sự; thiệt hại mà các bị cáo gây ra là không lớn, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đại diện nguyên đơn dân sự xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại”, “Phạm tội gây thiệt hại không lớn”, “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” quy định tại các điểm b, g và p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

[6] Về nhân thân của các bị cáo: Trước khi phạm tội các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Vì vậy, cần xác định các bị cáo là người có nhân thân tốt.

Bị cáo Giàng A S khi thực hiện hành vi phạm tội là 17 tuổi 10 tháng 27 ngày; Hội đồng xét xử áp dụng những quy định đối với người chưa thành niên phạm tội để đảm bảo lợi ích tốt nhất cho bị cáo.

Hội đồng xét xử xét thấy: Các bị cáo là người có nhân thân tốt; chưa có tiền án, tiền sự; có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng; thiệt hại mà các bị cáo gây ra là không lớn; các bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ và có khả năng tự cải tạo; bị cáo Giàng A S khi thực hiện hành vi phạm tội là người chưa thành niên. Trường hợp cho bị cáo Cự A L, Giàng A K hưởng án treo, bị cáo Giàng A S cải tạo không giam giữ không làm ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm. Để thể hiện tính nhân đạo của pháp luật, cần áp dụng Điều 60, Điều 73 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo Cự A L, Giàng A K hưởng án treo; bị cáo Giàng A S cải tạo không giam giữ.

[7] Về hình phạt bổ sung:

Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định; điều kiện kinh tế khó khăn; gia đình các bị cáo đều thuộc diện hộ nghèo. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Các bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho Công ty Sông Đ số tiền là 15.646.250 đồng, tại phiên tòa đại diện nguyên đơn dân sự không yêu cầu các bị cáo phải thường gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về vật chứng của vụ án:

Đối với chiếc xe mô tô HONDA biển kiểm soát 21K1-181.94 bị cáo L sử dụng làm phương tiện phạm tội (gia đình bị cáo L đã bán) và chiếc xe WIN nhãn hiệu ESPERO biển kiểm soát 21K1- 232.41 bị cáo K sử dụng làm phương tiện phạm tội (hiện giao cho gia đình bị cáo K quản lý). Tuy nhiên, đây là tài sản chung của vợ chồng các bị cáo, việc các bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội vợ các bị cáo không biết, không có lỗi. Hội đồng xét xử không tịch thu những chiếc xe.

Đối với: 01 điện thoại di động nhãn hiệu “LV mobile” màu hồng trắng, tại góc trên bên phải màn hình có dòng chữ, số LV181, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng, thu giữ của Cù A L; 01 điện thoại cảm ứng màu vàng, nhãn hiệu “coolpad”, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng thu giữ của Giàng A K; 01 điện thoại di động màu xanh, nhãn hiệu “Masstel”, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng thu giữ của Giàng A S. Xét thấy những chiếc điện thoại này không liên quan đến hành vi phạm tội, nên cần trả lại cho các bị cáo.

Đối với số tiền 210.000 đồng do Giàng A K giao nộp và 900.000 đồng do Giàng A S giao nộp cho cơ quan điều tra, đây là số tiền các bị cáo bán tài sản trộm cắp mà có. Tuy nhiên, các bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho nguyên đơn dân sự, Hội đồng xét xử xét thấy cần trả lại cho Giàng A K và Giàng A S số tiền trên.

Đối với: 01 dao nhọn có chiều dài 44cm, phần rộng nhất của dao 05cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 31cm, chuôi dao bằng gỗ dài 13cm, chuôi dao được bọc 05 khâu kim loại màu vàng, trắng, dao đã cũ, đã qua sử dụng; 01 vỏ bao dao bằng gỗ có chiều dài 34 cm, được quấn 04 khâu dây, đã cũ qua sử dụng; 01 khung cửa (loại cửa tay dùng để cắt kim loại) bằng kim loại, sơn màu đỏ, không có lưỡi cửa, đã cũ qua sử dụng; 01 lưỡi cửa bằng kim loại dài 41cm, rộng 02 cm, đã cũ qua sử dụng; 01 cửa tay (loại cửa dùng để cắt kim loại), khung cửa bằng kim loại sơn màu đỏ, phần tay cầm bằng kim loại màu trắng, lưỡi cửa màu xám bằng kim loại, cửa đã cũ qua sử dụng; 01 vỏ bao tải màu vàng, đã cũ đã qua sử dụng. Đây là những công cụ các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

+ Đối với: 01 vỏ dây nhựa màu trắng dài 05m; 01 vỏ dây nhựa màu đen dài 05m; 01 vỏ dây nhựa màu hồng dài 05m; 02 dây vỏ nhựa màu trắng cùng có chiều dài 3,3m; 02 dây vỏ nhựa màu hồng cùng có chiều dài 3,3m; 03 dây vỏ nhựa màu xanh cùng có chiều dài 3,3m; 01 dây vỏ nhựa màu đen dài 3,3m; 01 dây vỏ nhựa màu trắng dài 102cm; 08 dây vỏ cao su màu đen có chiều dài lần lượt là 0,5m, 0,5m, 3,2m, 3,3m, 5,0m, 8,4m, 8,7m, 9,7m; 01 dây vỏ nhựa màu trắng dài 01m; 01 dây vỏ nhựa màu đen dài 01m; 01 dây vỏ nhựa màu hồng dài 01m; 01 dây vỏ nhựa màu xanh dài 01m; 01 đoạn vỏ dây cao su, một đầu có 04

lõi nhỏ hở ra không có vỏ, dài 1,36m; nhiều đoạn dây vải chống cháy với hình dạng, kích thước khác nhau. Đây là những vật không có giá trị cần tịch thu và tiêu hủy.

[10] Về án phí và các vấn đề khác:

Đối với Thào A K, ngày 29-10-2017 có tham gia cùng các bị cáo đi trộm cắp tài sản, tuy nhiên trên đường đi đã từ bỏ không tham gia cùng các bị cáo L, K, S trộm cắp. Cơ quan điều tra không đề cập xử lý trong vụ án là có căn cứ.

Đối với Nguyễn Văn N và Đỗ Thị T là người mua các tài sản do các bị cáo trộm cắp, tuy nhiên khi mua những tài sản này N, T không biết đó là tài sản do phạm tội mà có, nên hành vi của Nguyễn Văn N và Đỗ Thị T không cấu thành tội phạm.

Đối với Giàng A N là người được Giàng A K cho 500.000 đồng, tuy nhiên N không biết đó là số tiền do K phạm tội mà có, hiện nay số tiền trên Giàng A N đã tiêu sài cá nhân hết, nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với Giàng A N.

Các bị cáo phải chịu tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người đại diện, người bào chữa, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Cừ A L, Giàng A K và Giàng A S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, g và p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Cừ A L 01 (một) năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 năm kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho UBND xã Trạm Tấu, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái để giám sát và giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án Hình sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, g và p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Giàng A K 11 (*mười một*) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 22 tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho UBND xã Trạm Tấu, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái để giám sát và giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án Hình sự.

- Áp dụng Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, g và p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 69; Điều 73 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Giàng A S 07 (*bảy*) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã Trạm Tấu nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo cho UBND xã Trạm Tấu, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái để giám sát, giáo dục bị cáo. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

3. Về vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

- Trả lại cho Cú A L 01 điện thoại di động nhãn hiệu “LV mobile” màu hồng trắng, tại góc trên bên phải màn hình có dòng chữ, số LV181, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng.

- Trả lại cho Giàng A K: 01 chiếc xe WIN nhãn hiệu ESPERO biển kiểm soát 21K1- 232.41 (hiện gia đình bị cáo K quản lý); 01 điện thoại di động cảm ứng màu vàng, nhãn hiệu “coolpad”, số IMEI 1: 861275032506277, số IMEI 2: 861275032517126, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng và 210.000 đồng (trong phong bì niêm phong).

- Trả lại cho Giàng A S: 01 điện thoại di động màu xanh, nhãn hiệu “Masstel”, số IMEI 1: 301014167837753, số IMEI 2: 301014167837761, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng và 900.000 đồng (trong phong bì niêm phong).

- Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao nhọn có chiều dài 44cm, phần rộng nhất của dao 05cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 31cm, chuôi dao bằng gỗ dài 13cm, chuôi dao được bọc 05 khâu kim loại màu vàng, trắng, dao đã cũ, đã qua sử dụng; 01 vỏ bao dao bằng gỗ có chiều dài 34cm, được quấn 04 khâu dây, đã cũ qua sử dụng; 01 khung cửa (loại cửa tay dùng để cắt kim loại) bằng kim loại, sơn màu đỏ, không có lưỡi cửa đã cũ qua sử dụng; 01 lưỡi cửa bằng kim loại dài 41cm, rộng 02cm, đã cũ qua sử dụng; 01 cửa tay (loại cửa dùng để cắt kim loại), khung cửa bằng kim loại sơn màu đỏ, phần tay cầm bằng kim loại màu trắng, lưỡi cửa màu xám bằng kim loại, cửa đã cũ qua sử dụng; 01 vỏ bao tải màu vàng, đã cũ đã qua sử dụng; 01 vỏ dây nhựa màu trắng dài 05m; 01 vỏ dây nhựa màu đen dài 05m; 01 vỏ dây nhựa màu hồng dài 05m; 02 dây vỏ nhựa màu trắng cùng có chiều dài 3,3m; 02 dây vỏ nhựa màu hồng cùng có chiều dài 3,3m; 03 dây vỏ nhựa màu xanh cùng có chiều dài 3,3m; 01 dây vỏ nhựa màu đen dài

3,3m; 01 dây vỏ nhựa màu trắng dài 102cm; 08 dây vỏ cao su màu đen có chiều dài lần lượt là 0,5m, 0,5m, 3,2m, 3,3m, 5,0m, 8,4m, 8,7m, 9,7m; 01 dây vỏ nhựa màu trắng dài 01m; 01 dây vỏ nhựa màu đen dài 01m; 01 dây vỏ nhựa màu hồng dài 01m; 01 dây vỏ nhựa màu xanh dài 01m; 01 đoạn vỏ dây cao su, một đầu có 04 lõi nhỏ hở ra không có vỏ, dài 1,36m; nhiều đoạn dây vải chống cháy với hình dạng, kích thước khác nhau.

4. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Cú A L, Giàng A K và Giàng A S, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

Các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo S, người bào chữa cho bị cáo K và bị cáo S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi liên quan có mặt có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi của mình cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Trạm Tấu;
- THADS huyện Trạm Tấu;
- Công an huyện Trạm Tấu;
- Các bị cáo, người đại diện;
- Người bào chữa, nguyên đơn dân sự;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- UBND xã Trạm Tấu;
- Sở tư pháp tỉnh Yên Bái;
- Lưu: Hs, TA, THA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Lên